

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NT
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **183/2018/HNGĐ-ST**
Ngày : 05/11/2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**

Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 821/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về yêu cầu “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Bùi Phương L**, sinh năm 1980, địa chỉ: khu đô thị P, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; bà L có mặt.

* Bị đơn: Ông **Lăng Huy C**, sinh năm 1971, địa chỉ: khu đô thị P, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Bùi Phương L** trình bày: Bà và ông **Lăng Huy C** đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường P, NT, Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng không có sự chia sẻ công việc và quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà và ông C đã sống ly thân nhau. Bà không còn tình cảm yêu thương ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có hai con chung là **Lăng Thành A**, sinh năm 2003 và **Lăng Phương L**, sinh năm 2007. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu nhưng nếu nguyện vọng của hai cháu là muốn ở với ông C và ông C đồng ý chăm sóc hai cháu thì bà đồng ý để ông C trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lăng Huy C trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày bà Bùi Phương L về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có những lúc mâu thuẫn nhưng tất cả đều được giải quyết và cuộc sống gia đình vẫn yên ấm. Cuộc sống chung vợ chồng cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng có thể trao đổi để hiểu nhau hơn và ông hứa sẽ thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình và vì các con nên không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong trường hợp tòa giải quyết phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu A và L, ông không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố NT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự là đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét, công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, nguyên đơn trình bày đã không còn tình cảm với bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí, giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình:* Bà Bùi Phương L và ông Lăng Huy C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 quyển 01/2001, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Bùi Phương L xác định giữa bà và ông C không còn tình cảm vợ chồng, bà và ông C đã sống ly thân nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lăng Huy C. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng của bà L và ông C có phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của bà L và ông C đã xảy ra từ lâu và kéo dài và cả hai không có phương pháp để giải quyết mâu thuẫn, khả năng để hòa giải và hàn gắn tình cảm không còn, bà L và ông C đã sống ly thân nhau. Do vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Bà L và ông C có hai con chung là cháu Lăng Thành A, sinh năm 2003 và cháu Lăng Phương L, sinh năm 2007. Khi ly hôn, bà L đồng ý giao hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và đây cũng là nguyện vọng

của ông C và của hai cháu nên cần giao hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Bùi Phương L và ông Lăng Huy C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] *Về án phí*: Bà Bùi Phương L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến phát biểu của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố Tụng Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Phương L được ly hôn với ông Lăng Huy C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lăng Thành A, sinh năm 2003 và cháu Lăng Phương L, sinh năm 2007 cho ông Lăng Huy C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Lăng Huy C không yêu cầu bà Bùi Phương L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Bà Bùi Phương L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Phương L và ông Lăng Huy C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Bùi Phương L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số AA/2016/0009196 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Như vậy, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. NT;
- Chi cục THADS Tp. NT;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đàm Thị Bích Ngọc